

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày: 15-04-2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Cao Thị Lê N, sinh năm: 1995; địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 55/GUQ-HĐQT ngày 14/12/2018)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN.

Trụ sở: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Cao Thị Lê N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT có bà Cao Thị Lê N đại diện trình bày:

Ngày 13/02/2012, nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT (sau đây gọi tắt là Công ty C & T) và bị đơn Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN (sau đây gọi tắt là Công ty PN) ký kết Hợp đồng mua bán số: 57-12/HĐMB-C&T-P2 về việc cung cấp vật tư xây dựng. Thực hiện Hợp đồng nêu trên, Công ty C & T đã cung cấp cho Công ty PN các loại thép xây dựng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó Công ty PN không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán tiền cho Công ty C & T.

Ngày 02/02/2015, Công ty C & T và Công ty PN đã ký vào Biên bản xác nhận công nợ với nội dung xác nhận Công ty PN còn nợ Công ty C & T số tiền là: 286.983.327 đồng.

Từ sau ngày 02/02/2015 đến nay, Công ty PN chỉ thanh toán cho Công ty C & T số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 14/02/2015 trả: 5.000.000 đồng
- Ngày 18/5/2015 trả: 15.000.000 đồng.
- Ngày 13/6/2016 trả: 10.000.000 đồng.
- Ngày 06/12/2016 trả: 20.000.000 đồng.

Sau đó, dù Công ty C & T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán và gửi các Biên bản đối chiếu công nợ nhưng phía Công ty PN không ký xác nhận cũng như không thanh toán tiền nợ cho Công ty C & T.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại phía Công ty PN còn nợ Công ty C & T số tiền là: 236.983.327 đồng. Công ty C & T yêu cầu phía Công ty PN phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền 236.983.327 đồng nêu trên.

Phía bị đơn Công ty PN và đại diện theo pháp luật của Công ty PN là ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và phía nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ngày 07/01/2019 Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 24/02/2020 Tòa án mới ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hợp đồng mua bán số: 57-12/HĐMB-C&T-P2 về việc cung cấp vật tư xây dựng được ký kết là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp

luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Phía bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng, do đó căn cứ khoản 1 Điều 440 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 236.983.327 đồng là có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền do bị đơn vi phạm Hợp đồng mua bán hàng hóa, cả nguyên đơn và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh và ký kết Hợp đồng có mục đích lợi nhuận, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”, quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty PN có trụ sở tại Quận 2, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời hiệu khởi kiện: Phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện, phía bị đơn vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty PN và người đại diện theo pháp luật của Công ty PN là ông Nguyễn Anh T, cụ thể: Tòa án triệu tập Công ty PN và ông Nguyễn Anh T có mặt tại Phòng số 06, Lầu 01 – Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 27/8/2019 và 09 giờ 00 phút ngày 16/10/2019 để cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày lời khai; Tòa án triệu tập Công ty PN và ông Nguyễn Anh T có mặt tại Phòng số 06, Lầu 01 – Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 03/02/2020 để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án sẽ không tiến hành hòa giải vì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do phía nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập Công ty PN và ông Nguyễn Anh T tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 01 vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 16/3/2020, tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 2 vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/4/2020.

Tuy nhiên, bị đơn Công ty PN và ông Nguyễn Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty PN và ông Nguyễn Anh T.

Đối với việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Cao Thị Lê N có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Lê N không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê N.

Xét thấy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Cao Thị Lê N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Công ty PN và đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 13/02/2012, nguyên đơn Công ty C & T và bị đơn Công ty PN ký kết Hợp đồng mua bán số: 57-12/HĐMB-C&T-P2 về việc cung cấp vật tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Thực hiện Hợp đồng nêu trên, Công ty C & T đã cung cấp cho Công ty PN các loại thép xây dựng theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó Công ty PN không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán tiền cho Công ty C & T.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nguyên đơn, bị đơn thì các bên đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh. Xét Hợp đồng nêu trên giữa các bên là tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng với các quy định của pháp luật, việc các bên ký kết Hợp đồng là hợp pháp nên có giá trị ràng buộc các bên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/02/2015 đã ký giữa Công ty C & T và Công ty PN có đủ cơ sở để xác định tính đến ngày 02/02/2015 thì Công ty PN còn nợ Công ty C & T số tiền là: 286.983.327 đồng. Từ sau ngày 02/02/2015 đến ngày 06/12/2016, Công ty PN chỉ thanh toán cho Công ty C & T số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là: 236.983.327 đồng thì Công ty PN không thanh toán dù Công ty C & T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán và gửi các Biên bản đối chiếu công nợ, do đó Công ty PN đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại phía Công ty PN còn nợ Công ty C & T số tiền là: 236.983.327 đồng. Công ty C & T yêu cầu phía Công ty PN phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền 236.983.327 đồng nêu trên là có cơ sở để xem xét chấp nhận và phù hợp với các quy định của pháp luật. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty C & T, buộc bị đơn Công ty PN phải trả cho Công ty C

& T số tiền là: 236.983.327 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, 25, 50 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT số tiền là: 236.983.327 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng*) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.849.166 đồng (*Mười một triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng*) Công ty Cổ

phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN phải chịu. Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN chưa nộp án phí.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.924.583 đồng (*Năm triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0015955 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 07/01/2019.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần Xây dựng và kinh doanh VT, Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và xây dựng PN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực